TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-PT
Ngày 25-8-2021
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Dũng;

Bà Nguyễn Thị Thu Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tố Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái***: Ông Nguyễn Đức Thắng - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2021/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn MA, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn MA, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

3. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Mạnh T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái vụ án có nội dung như sau:

Chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Mạnh T kết hôn với nhau vào ngày 29-9-1999, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TH, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, làm ăn kinh tế gặp nhiều khó khăn dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi, chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay

chị H xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn và đề nghị Toà án giải quyết ly hôn. Anh T nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Mạnh T xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Phương Th, sinh ngày 25-6-2000; Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Minh H1, cùng sinh ngày 26-8-2013.

Cháu Nguyễn Phương Th đã thành niên, cháu ở với ai thì người đó có trách nhiệm. Cháu Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Minh H1 đều có nguyện vọng được ở với chị H. Khi ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; anh T đề nghị được nuôi con chung là Nguyễn Minh Đ, để chị H nuôi con chung là Nguyễn Minh H1 và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Mạnh T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu H đối với anh Nguyễn Mạnh T. Chị Nguyễn Thu H được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T.

2. Về con chung: Giao các con chung là Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Minh H1, cùng sinh ngày 26-8-2013 cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Mạnh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được ngăn cản.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án cho các đương sự.

Ngày 16-7-2021, bổ sung ngày 27-7-2021, anh Nguyễn Mạnh T kháng cáo đề nghị được nuôi con chung Nguyễn Minh Đ và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

* Tại phiên toà phúc thẩm:

Anh Nguyễn Mạnh T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Chị Nguyễn Thu H không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Mạnh T và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến trước khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án: Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Mạnh T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái về nuôi con chung. Anh T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Các đương sự không kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Mạnh T về việc đề nghị được nuôi con chung Nguyễn Minh Đ và không yêu cầu chị Nguyễn Thu H cấp dưỡng nuôi con:

Chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Mạnh T xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Phương Th, sinh ngày 25-6-2000, cháu ở với ai thì người đó có trách nhiệm; Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Minh H1, cùng sinh ngày 26-8-2013, đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Theo khoản 1 Điều 71 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; cả chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Mạnh T đều có đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, hiện nay chị H là giáo viên, có thu nhập ổn định từ lương, có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tốt hơn; anh T làm nghề cắt tóc nên thu nhập không ổn định, anh T xác định sau khi ly hôn thì đưa cháu Đ về ở với anh chị tại thị xã NL; mặt khác, cháu Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Minh H1 là anh em sinh đôi, không nên tách các cháu mỗi người sống một nơi. Do vậy, việc giao cháu Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Minh H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng như Bản án sơ thẩm đã quyết định là phù hợp với quy định của pháp luật và hoàn cảnh của các bên, đảm bảo quyền lợi cho các con nên không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Mạnh T.

[3] Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Mạnh T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ cần được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên anh Nguyễn Mạnh T phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị cấp phúc thẩm không xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Mạnh T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái về nuôi con như sau:

Áp dụng Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình:

Giao cháu Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Minh H1, cùng sinh ngày 26-8-2013 cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Nguyễn Mạnh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Mạnh T phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đồng anh T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0005624 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- Vụ GĐKT3-TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện VY;
- Chi cục THADS huyện VY;
- UBND xã TH, huyện VY;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân